

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN G
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/KDTM-ST

Ngày: 08-05-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ân

Bà Nguyễn Thị Kim Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú - Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024 tại Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 112/2023/TLST-KDTM ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2024/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2024/QĐST-KDTM ngày 11 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T; Địa chỉ trụ sở: Số X, đường L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Giản Thanh H; Địa chỉ: Số X, đường Cao T, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Văn bản ủy quyền ngày 20/9/2023. (Có mặt)

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Dịch vụ A; Địa chỉ trụ sở: Số X đường số A, Phường 8, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Hải V; Địa chỉ: Số X đường số 14, Phường 8, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Hải V; Địa chỉ: Số X đường số 14, Phường 8, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T có người đại diện hợp pháp ông Giản Thanh H trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Dịch vụ A (gọi tắt là Công ty) đã vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T (gọi tắt Ngân hàng) theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng cho vay số EGV/23065 ngày 24/3/2023, số tiền vay là 350.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 12 tháng, mục đích sử dụng vốn vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động buôn bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng.

Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay tại Hợp đồng cho vay số EGV/23065 ngày 24/3/2023 theo khế ước nhận nợ số 290323-10388139-ONL-1 ngày 29/3/2023, số tiền nhận nợ là 59.060.000 đồng, thời hạn cho vay là 06 tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 19,5%/năm, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng 01 lần theo mức điều chỉnh lãi suất quy định của Ngân hàng từng thời kỳ. Ngày quá hạn 15/6/2023, số tiền lãi đã thanh toán là 1.472.833 đồng; số tiền gốc quá hạn là 59.060.000 đồng; tiền lãi trong hạn chưa thanh toán là 1.581.963 đồng; tiền lãi chậm trả lãi trong hạn là 142.593 đồng; tiền lãi quá hạn tính đến ngày 08/5/2024 là 19.323.766 đồng, tổng cộng là 80.108.323 đồng.

Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay tại Hợp đồng cho vay số EGV/23065 ngày 24/3/2023 theo khế ước nhận nợ số 310323-10388139-ONL-2 ngày 31/3/2023, số tiền nhận nợ là 25.700.000 đồng, thời hạn cho vay là 06 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 19,5%/năm, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng 01 lần theo mức điều chỉnh lãi suất quy định của Ngân hàng từng thời kỳ. Ngày quá hạn 15/6/2023, số tiền lãi đã thanh toán là 613.578 đồng; số tiền gốc quá hạn là 25.700.000 đồng; tiền lãi trong hạn chưa thanh toán là 724.230 đồng; tiền lãi chậm trả lãi trong hạn là 65.280 đồng, tổng cộng là 35.176.462 đồng.

Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay tại Hợp đồng cho vay số EGV/23065 ngày 24/3/2023 theo khế ước nhận nợ số 310423-10388139-ONL-4 ngày 03/4/2023, số tiền nhận nợ là 265.240.000 đồng, thời hạn cho vay là 06 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 19,5%/năm, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng 01 lần theo mức điều chỉnh lãi suất quy định của ngân hàng từng thời kỳ. Ngày quá hạn 15/6/2023, số tiền lãi đã thanh toán là 5.916.997 đồng; số tiền gốc quá hạn là 256.240.000 đồng; tiền lãi trong hạn chưa thanh toán là 4.262.406 đồng; tiền lãi chậm trả lãi trong hạn là 384.200 đồng; tiền lãi quá hạn tính đến ngày 08/5/2024 là 65.303.541 đồng, tổng cộng là 335.190.147 đồng.

Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng doanh nghiệp ký ngày 06/4/2023, hạn mức tín dụng thẻ là 50.000.000 đồng, lãi suất tại thời điểm phát hành thẻ là 32%/năm, thời hạn tín dụng thẻ là 12 tháng, lãi suất thẻ tín dụng sẽ được điều chỉnh theo đúng quy định của Ngân hàng từng thời kỳ. Ngày quá hạn 24/5/2023, số tiền gốc đã thanh toán là 1.004.000 đồng; số tiền gốc quá hạn là 48.996.000 đồng; tiền lãi quá hạn tính đến ngày 08/5/2024 là 23.394.504 đồng; tổng cộng 72.390.504 đồng.

Khoản tín dụng cấp cho Công ty được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Huỳnh Hải V theo Hợp đồng bảo lãnh số EGV/23065/HDBL ngày 24/3/2023. Khoản tín dụng cấp cho Công ty không thực hiện biện pháp bảo đảm thế chấp tài sản, không có đăng ký giao dịch bảo đảm.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty để yêu cầu trả nợ vay nhưng Công ty trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Các căn cứ về việc thông báo chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn, lãi suất khi chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả lãi tại Thỏa thuận khung về cấp tín dụng EGV/23065/TTK ngày 24/3/2023 (gọi tắt là Thỏa thuận khung) và Phụ lục các thỏa thuận cụ thể về cho vay kèm theo Thỏa thuận khung EGV/23065/TTK ngày 24/3/2023 (gọi tắt là Phụ lục) mà Ngân hàng và Công ty đã ký kết cụ thể:

Căn cứ theo điểm b, điểm e khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Thỏa thuận khung quy định về việc chấm dứt cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn.

Căn cứ theo khoản 3 Điều 4 Thỏa thuận khung quy định về việc thông báo cho khách hàng về khoản nợ quá hạn.

Căn cứ theo khoản 4 Điều 4 Thỏa thuận khung quy định về việc xử lý nợ, chuyển nợ quá hạn.

Căn cứ theo khoản 3, khoản 4 Điều 2 Phụ lục thỏa thuận khung quy định về lãi suất cho vay, phí và các chi phí khác.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận G giải quyết:

Buộc Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ A phải trả cho Ngân hàng số nợ tính đến ngày 08/5/2024 nợ gốc là 350.000.000 đồng; nợ lãi và lãi chậm trả là 100.474.932 đồng; nợ gốc thẻ là 48.996.000 đồng và nợ lãi thẻ là 23.394.504 đồng; tổng cộng 522.865.436 đồng.

Công ty còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo Hợp đồng đã ký cho tới khi thanh toán xong toàn bộ nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp Công ty không thanh toán theo yêu cầu nêu trên thì ông Huỳnh Hải V có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Toà án đã tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải (02 lần); Thông báo về kết

quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham dự phiên tòa đối với bị đơn là Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Hải V nhưng Công ty, ông V vắng mặt, không có lý do.

Do Công ty và ông V vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Giản Thanh H yêu cầu bị đơn phải trả cho Ngân hàng số nợ tính đến ngày 08/5/2024 nợ gốc là 350.000.000 đồng; nợ lãi và lãi chậm trả là 100.474.932 đồng; nợ gốc thẻ là 48.996.000 đồng và nợ lãi thẻ là 23.394.504 đồng; tổng cộng 522.865.436 đồng.

Công ty còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo Hợp đồng đã ký cho tới khi thanh toán xong toàn bộ nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp Công ty không thanh toán theo yêu cầu nêu trên thì ông Huỳnh Hải V có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Bị đơn Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ A; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông V vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn thực hiện đúng; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T khởi kiện Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ A phải trả số tiền còn nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng. Công ty có địa chỉ tại số X đường số 14, Phường 8, quận G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân quận G theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân quận G tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông V theo đúng quy định tại Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng Công ty và ông V đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi vấn đề đương sự có yêu cầu, những vấn đề liên quan đến vụ án đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, không đến tòa, họ đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên Tòa án xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Ngân hàng yêu cầu Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ A thanh toán ngay số tiền nợ tính đến hết ngày 08/5/2024 nợ gốc là 350.000.000 đồng; nợ lãi và lãi chậm trả là 100.474.932 đồng; nợ gốc thẻ là 48.996.000 đồng và nợ lãi thẻ là 23.394.504 đồng; tổng cộng 522.865.436 đồng; Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng cho vay số EGV/23065 ngày 24/3/2023 và các khế ước nhận nợ số 290323-10388139-ONL-1 ngày 29/3/2023; khế ước nhận nợ số 310323-10388139-ONL-2 ngày 31/3/2023; khế ước nhận nợ số 030423-10388139-ONL-4 ngày 03/04/2023 đủ cơ sở xác định Công ty đã nhận đủ số tiền vay 350.000.000 đồng. Theo Hợp đồng cho vay số EGV/23065 ngày 24/3/2023, thời hạn cho vay là 12 tháng, mục đích sử dụng vốn vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động buôn bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng. Theo các khế ước nhận nợ, thời hạn cho vay là 06 tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 19,5%/năm, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng 01 lần theo mức điều chỉnh lãi suất quy định của Ngân hàng từng thời kỳ.

Căn cứ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng doanh nghiệp ký ngày 06/4/2023 Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho Công ty hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng, lãi suất tại thời điểm phát hành thẻ là 32%/năm, thời hạn tín dụng thẻ là 12 tháng; lãi suất thẻ tín dụng sẽ được điều chỉnh theo đúng quy định của Ngân hàng từng thời kỳ. Quá trình sử dụng thẻ, ngày 24/5/2023, Công ty vi phạm nghĩa vụ thanh toán, số tiền nợ gốc là 48.996.000 đồng.

Theo thỏa thuận tại khoản 3, khoản 4 Điều 2 Phụ lục thỏa thuận khung quy định về lãi suất cho vay, phí và các chi phí khác:

“3. Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn;

4. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.”

Công ty vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 15/6/2023 đối với khoản vay theo Hợp đồng cho vay số EGV/23065 ngày 24/3/2023 và các khế ước nhận nợ; vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 24/5/2023 đối với khoản nợ thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng doanh nghiệp ký ngày 06/4/2023. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn và Khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1, 4 Điều 13, Điều 20, Điều 21 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Căn cứ theo điểm b, điểm e khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Thỏa thuận khung quy định về việc chấm dứt cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn; khoản 3 Điều 4 Thỏa thuận khung quy định về việc thông báo cho khách hàng về khoản nợ quá hạn; khoản 4 Điều 4 Thỏa thuận khung quy định về việc xử lý nợ, chuyển nợ quá hạn và khoản 3, khoản 4 Điều 2 Phụ lục thỏa thuận khung quy định về lãi suất cho vay, phí và các chi phí khác. Ngân hàng được quyền chuyển nợ quá hạn đối với dư nợ gốc không thanh toán đầy đủ và đúng hạn, bên vay không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nợ gốc đến hạn của bất kỳ khoản nợ nào, lãi đến hạn của bất kỳ khoản nợ nào thì ngân hàng được quyền chấm dứt cho vay, thu hồi trước hạn một phần hoặc toàn bộ tiền vay trước hạn. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Công ty phải thanh toán các khoản nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 08/5/2024 nợ gốc là 350.000.000 đồng; nợ lãi và lãi chậm trả là 100.474.932 đồng; nợ gốc thẻ là 48.996.000 đồng và nợ lãi thẻ là 23.394.504 đồng; tổng cộng 522.865.436 đồng là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Khoản 1, 4 Điều 13, Điều 20, Điều 21 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước.

[2.3] Ngân hàng yêu cầu Công ty phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 09/5/2024 theo mức lãi suất được thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Trường hợp Công ty không thanh toán, Ngân hàng yêu cầu ông Huỳnh Hải V có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh đã ký; Xét thấy:

Căn cứ hợp đồng bảo lãnh số EGV/23065/HDBL ngày 24/3/2023 có quy định khoản tín dụng cấp cho Công ty được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Huỳnh Hải V (không có đăng ký giao dịch bảo đảm) trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai. Như vậy, nguyên đơn yêu cầu trong trường hợp Công ty không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ thì ông Huỳnh Hải V có trách nhiệm thanh toán theo hợp đồng bảo lãnh đã ký là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 24.914.617 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, trả lại 10.855.330 đồng tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[4] Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 5, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 466 và Khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 4, Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Luật phí và lệ phí;

Luật thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm;

Khoản 1, 4 Điều 13, Điều 20 và Điều 21 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ A có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T tính đến ngày 08/5/2024 số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng; nợ lãi và lãi chậm trả là 100.474.932 đồng; nợ gốc thẻ là 48.996.000 đồng và nợ lãi thẻ là 23.394.504 đồng; tổng cộng 522.865.436 (Năm trăm hai mươi hai triệu tám trăm sáu mươi lăm ngàn bốn trăm ba mươi sáu) đồng; theo Hợp đồng cho vay số EGV/23065 ngày 24/3/2023 và Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng doanh nghiệp ký ngày 06/4/2023. Thực hiện ngày khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 09/5/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án nếu chưa thực hiện hết các khoản tiền thì phải chịu thêm tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên.

Trường hợp Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ A không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì ông Huỳnh Hải V có trách nhiệm thanh toán số nợ trên theo Hợp đồng bảo lãnh số EGV/23065/HDBL ngày 24/3/2023.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ A phải nộp 24.914.617 (Hai mươi bốn triệu chín trăm mười bốn ngàn sáu trăm mười bảy) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.855.330 (Mười triệu tám trăm năm mươi lăm ngàn ba trăm ba mươi) đồng theo Biên lai thu số AA/2023/0012611 ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận G;
- Chi cục THADS quận G;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Cúc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

